

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2022/HS-ST

Ngày: 01/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP H N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ng Th Nh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ng Th Th1

Bà Ng V Th T M

Thư ký phiên tòa: Bà Ng Th Hh – *Thư ký Tòa án nhân dân TP H N*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP H N tham gia phiên tòa: Bà H Th Hn - *Kiểm sát viên.*

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP H N mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2022/TLST - HS ngày 12 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2022/HSST-QĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

V H Tg, sinh năm 1963; giới tính: nam; ĐKKHKT: số 5 ngõ 198 T S, tổ 13 (nay là số 05 ngõ 178/11 T S), phường Tr L, quận Đ Đ, TP H N; trình độ học V: 10/10; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V V L và bà Đ Th H1; tiền án, tiền sự: không; có vợ và có 02 con; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2021 đến nay (Trại tạm giam B14 Bộ Công an); có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ph Th K Tn thuộc Văn phòng Luật sư A P T – Đoàn Luật sư TP H N; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Tr H C, sinh năm 1972; địa chỉ: 59 khối 8 thị trấn Ng, huyện C L, tỉnh H T; vắng mặt.

2. Anh Ng Q Tr, sinh năm 1961; địa chỉ: số 20 phố T B H, phường Ph Đ H, quận H B Tr, TP H N; có mặt.

3. Chị H Th Ng, sinh năm 1965; địa chỉ: 937 đường H H, phường Ch D, quận H K, TP H N; có mặt.

4. Anh Tr V Ch, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn T D, xã C Nh, huyện C X, tỉnh H T; vắng mặt.

5. Anh Ng V N, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Y B, xã Q L, huyện C L, tỉnh H T; vắng mặt.

6. Anh Ng A T, sinh năm 1976; địa chỉ: 17/7 đường Ng Th, tổ 4, thị trấn Th H, tỉnh H T; vắng mặt.

7. Anh H V Th, sinh năm 1967; địa chỉ: xóm 3, thôn Ng Tr, xã B Đ, huyện L T, tỉnh B N; vắng mặt.

8. Chị H Th V, sinh năm 1963, địa chỉ: thôn Ng Tr, xã B Đ, huyện L T, tỉnh B N; vắng mặt.

9. Bà Đ Tr H, sinh năm 1942; địa chỉ: phòng 1112 nhà CT14 B H, phường Tr V, quận N T L, TP H N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Hành vi tổ chức cho Tr V Ch, Ng V N và Ng A T trốn đi nước ngoài:

Khoảng đầu năm 2000, V H Tg gặp Tr H C tại H N và giới thiệu có thể tổ chức cho người Việt Nam sang HÀN QUỐC lao động. Đầu tháng 8/2000, Tr H C đưa 03 người trú tại H T gồm Tr V Ch, Ng V N, Ng A T ra Khách sạn C Đ (số 1A T B H, H N) giới thiệu cho V H Tg để Tr tổ chức đi sang HÀN QUỐC lao động. V H Tg thỏa thuận sẽ tổ chức cho 03 người trên trốn sang HÀN QUỐC lao động bằng hình thức trốn theo đường bộ sang CAMPUCHIA, sau đó trốn đi HÀN QUỐC. Giá mỗi trường hợp thỏa thuận là 4.500 USD, trong đó đặt cọc $\frac{1}{2}$ số tiền. Thực tế, Tr H C đã đưa cho V H Tg tổng số tiền cọc cho 03 trường hợp là 3.300 USD và 19 triệu đồng, sau đó 03 người này còn nộp thêm cho V H Tg 7.600 USD, trong đó Tr V Ch nộp 2000 USD, Ng A T nộp 1.800 USD, Ng V N nộp 500 USD. Tổng cộng, V H Tg đã nhận từ Tr H C và 03 người này là 7.600 USD và 19.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền và thỏa thuận với Tr H C, V H Tg đã đón 03 người trên bay từ H N vào Tp. H C M giao cho người đàn ông tên B (Ch S) để tổ chức cho họ trốn sang CAMPUCHIA. V H Tg đã thỏa thuận để Ch S lo các thủ tục tiếp theo để tổ chức cho 03 người trốn sang HÀN QUỐC nhưng thực tế 03 người này sau khi đã vượt biên trái phép sang CAMPUCHIA không đi được HÀN QUỐC nên quay về Việt Nam. Trong quá trình tổ chức cho 03 người trên, Tr cho C số điện thoại của Ch S, từ đó C chỉ liên hệ với Ch S để

tổ chức cho những người có nhu cầu trốn đi nước ngoài lao động. Do không có thông tin cụ thể của Ch S nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để triệu tập, làm việc.

Ngày 30/11/2001, Tòa án nhân dân tỉnh H T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Tr H C xác định: Tr H C đã thu gom giao cho V H Tg cùng Ch S tổng số 37 người để đưa sang CAMPUCHIA; trong đó, bị can V H Tg đã cùng các bị can khác tổ chức cho 10 người trốn đi nước ngoài từ Việt Nam sang CAMPUCHIA. Trong vụ án này, do V H Tg bỏ trốn nên Cơ quan an ninh điều tra Bộ công an tạm đình chỉ điều tra và ra quyết định truy nã đối với V H Tg.

Sau khi phục hồi điều tra đến nay xác định, trong số 37 người được Tr H C đưa sang CAMPUCHIA, Cơ quan an ninh điều tra Bộ Công an xác định có 14 người xuất cảnh bất hợp pháp từ Việt Nam sang CAMPUCHIA. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập đối với 14 trường hợp này, nhưng chỉ lấy lời khai được 07 người, còn lại 01 người đã chết và 06 người không xác định được nơi cư trú hiện nay. Kết quả lấy lời khai có 03/07 người gồm Tr V Ch, Ng V N, Ng A T đều trình bày được V H Tg đón tại Thành phố H C M để giao cho người đàn ông tên B tổ chức trốn sang CAMPUCHIA, trong đó có 03 người nhận dạng được V H Tg, 04 người còn lại trình bày không biết V H Tg. Do đó, chỉ có cơ sở kết luận V H Tg tổ chức cho 03 người Ng A T, Ng V N và Tr V Ch trốn đi nước ngoài.

- Hành vi tổ chức cho H Th V, H V Th trốn đi nước ngoài:

Đầu năm 2000, H Th Ng nhờ Ng Q Tr tổ chức cho H Th V đi HÀN QUỐC. Ng Q Tr đã tổ chức đưa H Th V đi Thái Lan nhưng không sang HÀN QUỐC được. Sau đó, Ng Q Tr đã giới thiệu cho H Th Ng gặp V H Tg. Ng đã nhờ V H Tg tổ chức cho H Th V và H V Th sang HÀN QUỐC. V H Tg nhận tiền và thỏa thuận với H Th Ng về việc tổ chức cho Th và V trốn sang HÀN QUỐC bằng con đường bất hợp pháp với giá 8.100 USD (có viết giấy biên nhận tiền). Thực tế, V H Tg đã liên hệ với người tên Lg (người Việt Nam sống tại Thái Lan, không xác định được nhân thân, lai lịch) tổ chức cho H V Th và H Th V trốn đi HÀN QUỐC. V H Tg khai đã đưa cho Lg 4000 USD. Ngày 28/02/2000, V H Tg thông qua Lg tổ chức cho H V Th xuất cảnh sang HÀN QUỐC nhưng bị Cơ quan chức năng tại HÀN QUỐC phát hiện sử dụng giấy tờ giả nên trục xuất về Việt Nam ngày 29/02/2000. V H Tg khai không trực tiếp làm giấy tờ giả cho H V Th, Cơ quan điều tra không triệu tập được Lg nên không làm rõ được hành vi làm giả giấy tờ cho

H V Th đề xuất cảnh sang HÀN QUỐC ngày 28/02/2000.

Ngày 10/02/2004, V H Tg ra đầu thú. Ngày 08/3/2004, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an ra Quyết định số 08/ANĐT khởi tố bổ sung về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ra lệnh bắt tạm giam đối với V H Tg. Do V H Tg bỏ trốn nên ngày 23/3/2004 Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an ra quyết định truy nã. Ngày 05/8/2021, V H Tg ra đầu thú. Ngày 30/11/2021, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an ra Quyết định số 20/ANĐT-P5 thay đổi Quyết định khởi tố bị can số đối với V H Tg từ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 BLHS năm 1999 sang tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại Điều 349 BLHS năm 2015 (Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định phê chuẩn ngày 24/02/2022).

Quá trình điều tra, ngày 16/11/2021, V H Tg có Đơn đề nghị cho gia đình trả cho chị H Th Ng 4.100 USD để khắc phục hậu quả, còn 4000 USD Tr khai đã đưa cho Lg (Tr không có tài liệu chứng minh việc đã đưa tiền cho Lg). Ngày 19/01/2022, gia đình bị can V H Tg đã trả lại cho chị H Th Ng số tiền 60.000.000 đồng.

- *Hành vi tổ chức cho Ng Đ H2 và Ng V Ng1 trốn đi HÀN QUỐC:* Ban đầu, Ng Q Tr khai nhờ V H Tg tổ chức cho Ng Đ H2, Ng V Ng1 trốn sang HÀN QUỐC, sau đó Ng Q Tr thay đổi lời khai trình bày không nhờ V H Tg tổ chức cho H2 và Ng1 mà đã nhờ T M B (công tác tại Bệnh viện Y Q, trú tại: Phường Phương Mai, Đ Đ, H N tổ chức cho H2 và Ng1 đi lao động tại HÀN QUỐC - kết quả xác minh của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an năm 2011 xác định T M B đã chết năm 2008). V H Tg khai không tổ chức cho H2 và Ng1 trốn sang HÀN QUỐC. Lời khai của Ng Đ H2 và Ng V Ng1 khẳng định V H Tg không tổ chức cho H2 và Ng1 trốn sang HÀN QUỐC. Kết quả điều tra không có chứng cứ nào khác nên không có cơ sở kết luận V H Tg tổ chức cho Ng Đ H2 và Ng V Ng1 trốn sang HÀN QUỐC.

- *Hành vi tổ chức cho Ng K Đ, Tr Th Th2 và H Th Th3 trốn đi HÀN QUỐC:* V H Tg đã thỏa thuận để tổ chức cho 03 người trên sang HÀN QUỐC lao động với chi phí là 3.900 USD/người. Sau đó, V H Tg đã nhờ Ng Q Tr tổ chức đưa 03 người này sang HÀN QUỐC với cách thức sẽ sang Thái Lan bằng Hộ chiếu phổ thông rồi sang HÀN QUỐC bằng Hộ chiếu giả do người của Ng Q Tr làm và trốn ở lại HÀN QUỐC lao động. V H Tg có vai trò mua vé máy bay và làm hộ chiếu phổ thông để 03 người trên bay sang Thái Lan còn việc tổ chức đi từ Thái Lan là trách nhiệm của Ng Q Tr.

Thời điểm Cơ quan An ninh điều tra Công an TP H N khởi tố vụ án

“V H Tg và đồng bọn tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” xảy ra tại H N (ngày 11/7/2002), V H Tg đang bị Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an truy nã trong vụ án liên quan đến Tr H C, ngày 07/11/2002 Cơ quan An ninh điều tra Công an TP H N ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với V H Tg. Tuy nhiên, trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với V H Tg, Cơ quan An ninh điều tra Công an TP H N không ra Quyết định truy nã đối với Tr.

Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 (hết hiệu lực vào 01/7/2004) quy định “...Nếu không biết bị can đang ở đâu thì cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra...”. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015 xác định hành vi tổ chức cho cho Ng K Đ, Tr Th Th2 và H Th Th3 trốn đi Hàn Quốc của V H Tg đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Bản cáo trạng số 856/CT-VKSTC-V1 ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố bị cáo V H Tg về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo V H Tg khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng quy kết. Bị cáo đồng ý với nội dung bào chữa của luật sư.

- Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bà Đ Tr H không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 180.232.700 đã nộp thay bị cáo để khác phục hậu quả.

- Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân TP H N:

Đại diện Viện kiểm sát rút phần quyết định truy tố đối với bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự và giữ quyết định truy tố bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 04 đến 05 năm tù, phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 180.232.700 đồng gia đình bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả, buộc chi H Th Ng nộp lại số tiền 60.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập trong vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định:

Đầu tháng 8/2000, V H Tg thỏa thuận với Tr H C tổ chức cho 03 người là Tr V Ch, Ng V N, Ng A T trốn đi HÀN QUỐC lao động bằng hình thức xuất cảnh trái phép sang CAMPUCHIA sau đó trốn sang HÀN QUỐC. Sau đó, V H Tg đã tổ chức cho 03 người trên xuất cảnh trái phép sang CAMPUCHIA, nhưng không đi được HÀN QUỐC nên về Việt Nam.

Ngoài ra, cũng trong khoảng năm 2000, V H Tg thỏa thuận với H Th Ng tổ chức cho H V Th và H Th V đi HÀN QUỐC lao động bất hợp pháp với giá 8.100 USD. H V Th sang đến HÀN QUỐC thì bị trục xuất về nước, còn H Th V, Tr đã nhờ người tên Lg tại Thái Lan để tổ chức cho V đi HÀN QUỐC nhưng không đi được nên V đã về Việt Nam.

Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định:

“b) Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; **quy định hình phạt nhẹ hơn**, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử

c) ...các điều luật bổ sung hành vi phạm tội mới, các điều luật quy định một hình phạt mới, một hình phạt nặng hơn, **một tình tiết tăng nặng**

mới; các điều luật quy định hạn chế phạm vi miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử...”

So sánh khung hình phạt thì khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt nhẹ hơn khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự năm 1999. Tình tiết “Đối với từ 05 người đến 10 người” tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 là tình tiết tăng nặng mới.

Với hành vi phạm tội của V H Tg. Viện kiểm sát nhân dân TP H N truy tố bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH nêu trên, Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP H N rút phần quyết định truy tố đối với V H Tg theo điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn bình thường và làm giảm hiệu lực quản lý của Cơ quan nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét, bị cáo có nhân thân tốt, tự giác ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Đối với H Th Ng có hành vi giới thiệu Ng Đ H2, Ng V Ng1 cho Ng Q Tr; giới thiệu H V Th, H Th V cho V H Tg tổ chức trốn đi HÀN QUỐC vào cuối năm 1999 đầu năm 2000. Thời điểm này BLHS năm 1985 không quy định hành vi “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” là hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý hình sự (BLHS năm 1985 có hiệu lực đến ngày 01/7/2000). Cơ quan an ninh điều tra Công an TP H N đã có Biên bản cảnh cáo số 37 ngày 28/10/2002 đối với H Th Ng.

Đối với người tên B (Ch S), Lg (là người Việt Nam sống tại Thái Lan). Do không xác định rõ nhân thân nên không có căn cứ điều tra, làm rõ hành vi của hai đối tượng này.

[4] Thông qua việc tổ chức cho 05 người là anh Tr V Ch, anh Ng V N, anh Ng A T, anh H V Th và chị H Th V. V H Tg thu lợi 15.700 USD (tương đương 221.232.700 đồng) và 19.000.000 đồng, tổng cộng là 240.232.700. Bị cáo V H Tg đã tác động gia đình nộp lại 180.232.700 đồng và trả chị H Th Ng 60.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả (tổng cộng 240.232.700 đồng), Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện khắc hậu quả của bị cáo. Tuy nhiên, chị Ng, anh Ch, anh N và anh T biết rõ hành vi tổ chức cho người khác đi nước ngoài của Tr là bất hợp pháp nhưng vẫn giao tiền để được xuất cảnh. Vì vậy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 240.232.700 đồng, trong đó gồm 180.232.700 đồng gia đình bị cáo đã nộp vào Cục thi hành án dân sự TP H N và 60.000.000 đồng đã trả cho chị H Th Ng.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt V H Tg 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/8/2021.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 180.232.700 đồng theo Biên lai số AA/2020/0063859 ngày 26/7/2022 của Cục thi hành án dân sự TP H N.

Buộc chị H Th Ng nộp lại số tiền 60.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. H N;
- Công an Tp. HN;
- Cục THADS T.p H N;
- Bị cáo;
- Người có *QLNVLQ*;
- VKSND cấp cao tại H N;
- Lưu HS, VP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ng Th Nh

